

Ngày 06/04/2026



TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

CUỐI NGÀY



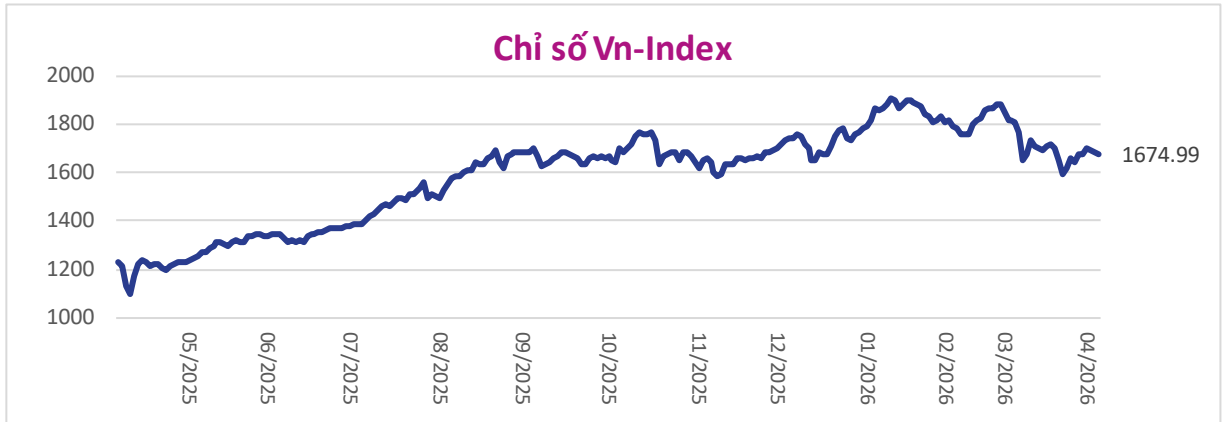
Tổng quan thị trường

(Cập nhật 14:45)

1674.99

-9.05

-0.54%



Kết thúc phiên giao dịch ngày 06/04/2026, chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức 1674,99 điểm. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index giảm -9,05 điểm, nhưng vẫn đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Thanh khoản của thị trường giảm so với phiên giao dịch trước, đồng thời khối lượng giao dịch cũng thấp hơn so với trung bình 20 ngày gần đây. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: VNM(+1,5%), trong khi đó một số mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: VHM(-1,8%), TCB(-2,4%), GAS(-1,5%), GVR(-1,9%), MBB(-1,2%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV vẫn chưa phá vỡ xu hướng tăng.

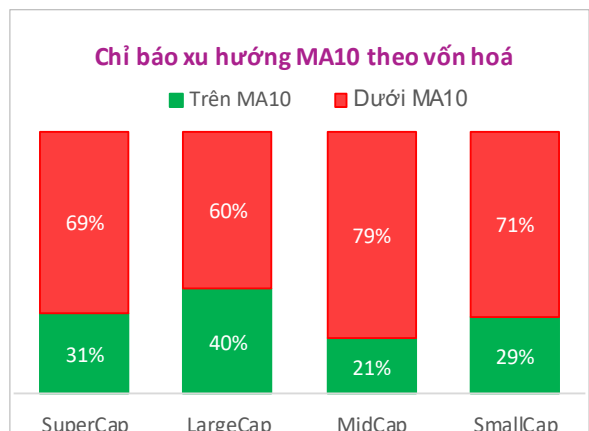
Trong tháng 3/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -17.630 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong những ngày đầu tháng 4/2026, khối ngoại chuyển sang mua ròng 477 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -31.591 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong những phiên giao dịch gần đây, khối ngoại đã có dấu hiệu chuyển sang bán ròng. Trong phiên giao dịch ngày 06/04, khối ngoại đã tiếp tục bán ròng -114 tỷ đồng.

Về phía khối tự doanh CTCK, trong tháng 3/2026, khối tự doanh CTCK chuyển sang mua ròng cổ phiếu với tổng giá trị là 2.447 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong những ngày đầu tháng 4/2026, khối tự doanh CTCK chuyển sang bán ròng -618 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối tự doanh đã bán ròng với tổng giá trị là -1.505 tỷ đồng.

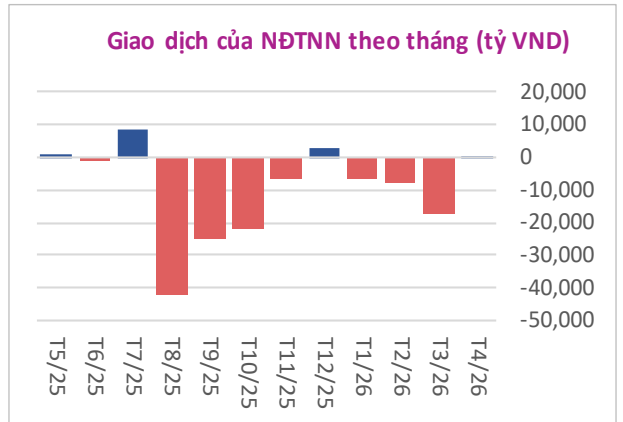
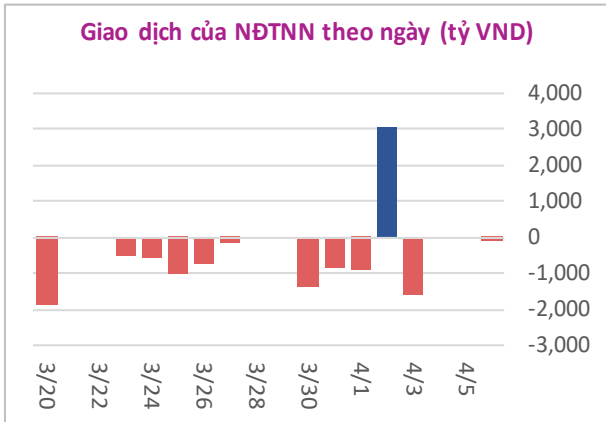
Trên thị trường mở hôm nay, NHNN đã hút -14.387 tỷ đồng. Như vậy, NHNN đã hút ròng 2 phiên liên tiếp, cho thấy dấu hiệu thận trọng trở lại trong điều hành.

Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

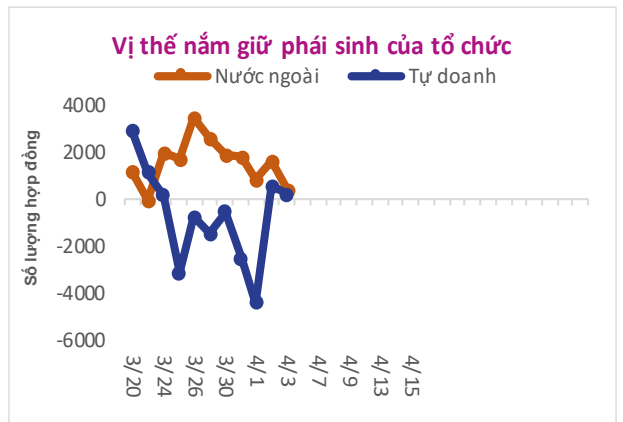
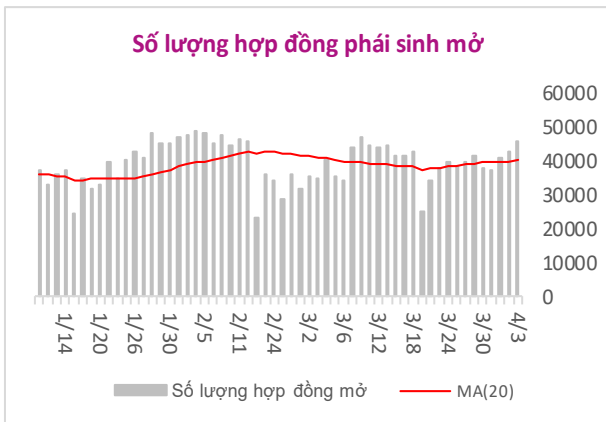
Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành		
Ngân hàng ↓	Bất động sản ↓	Chứng khoán ↓
Thép ↓	Phân bón ↓	Công nghệ ↓
Dầu khí ↓	Khu CN ↓	Thủy sản ↓
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↓	Cảng biển ↓
Mía đường ↓	Bán lẻ ↓	Dệt may ↓



Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

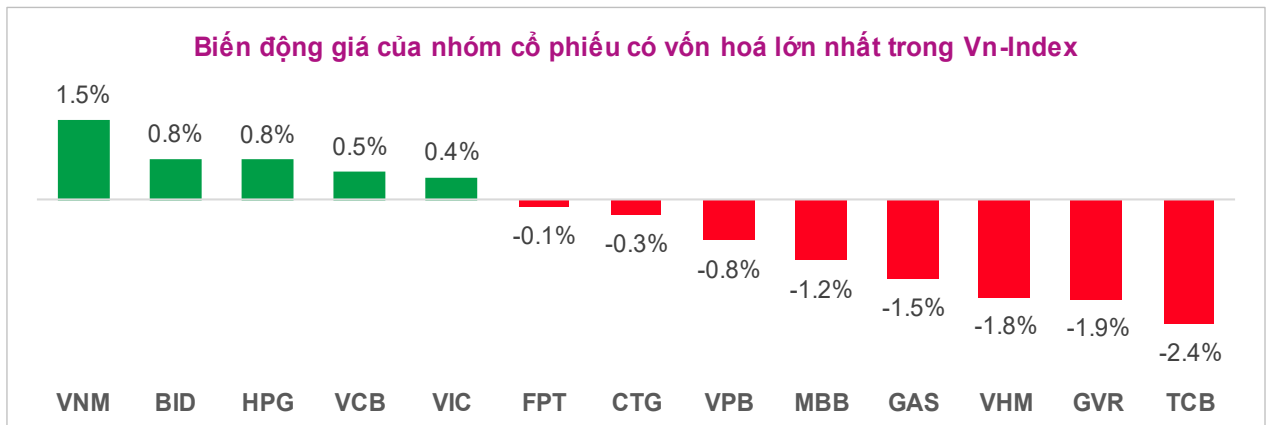


Thị trường phái sinh VN30



Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

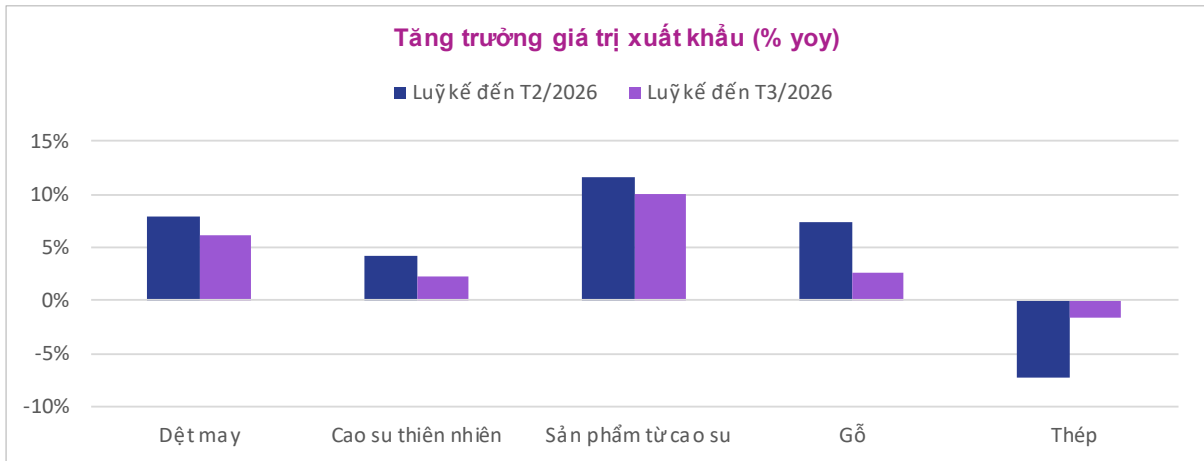
Nhóm dẫn dắt thị trường



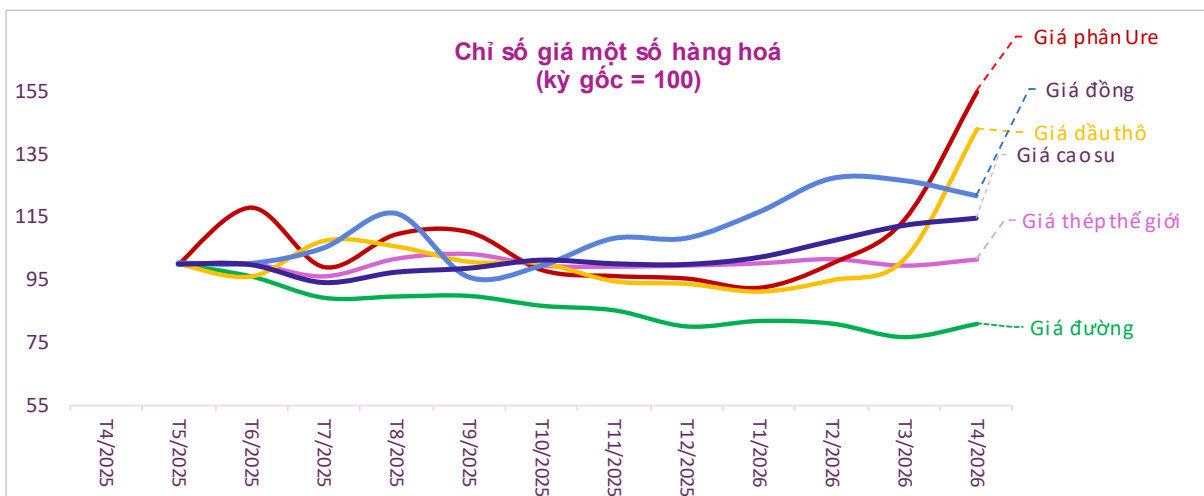
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	01/2026	02/2026	03/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	52.5	54.3	51.2	PMI giảm so với tháng trước, nhưng vẫn duy trì trên 50 điểm, cho thấy sản xuất vẫn được mở rộng
Sản xuất công nghiệp (YoY)	21.5%	1.0%	6.9%	Tăng trưởng tăng mạnh so với tháng trước.
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	9.3%	8.5%	12.1%	Tiêu dùng trong nước tăng trưởng tích cực.
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	29.7%	5.8%	20.1%	Xuất khẩu tăng mạnh
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	49.2%	4.4%	27.8%	Nhập khẩu tăng mạnh
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	2.5%	3.4%	4.7%	Lạm phát tăng trên 4,5%, dấu hiệu đáng lo ngại
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	0.1%	-0.6%	0.5%	Tỷ giá vẫn đang bình ổn

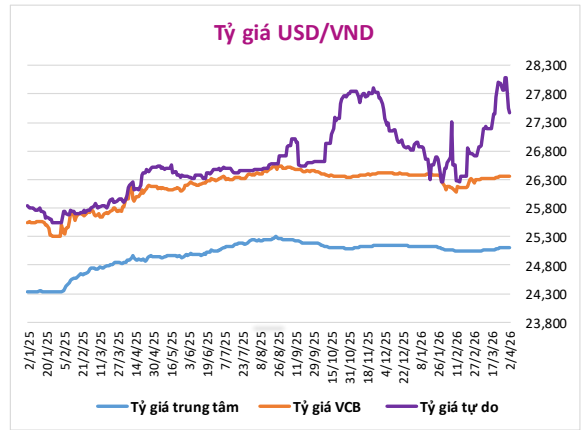
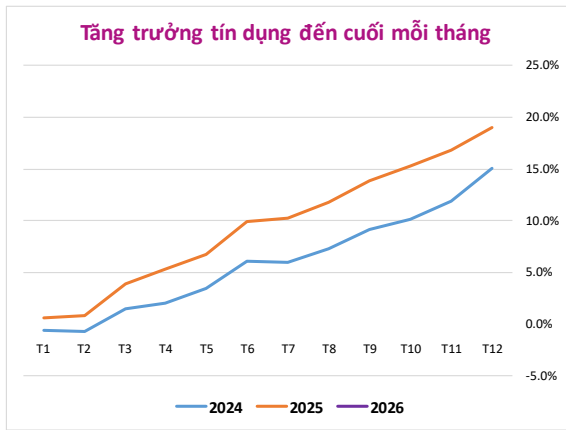
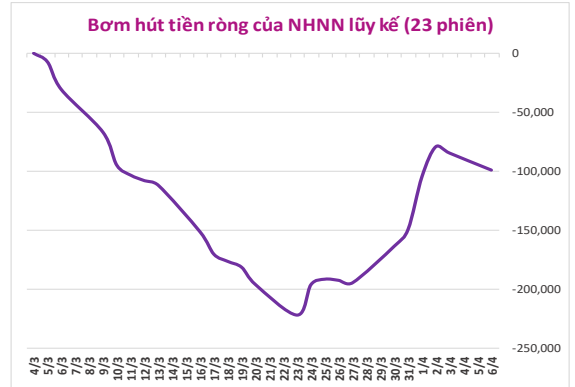
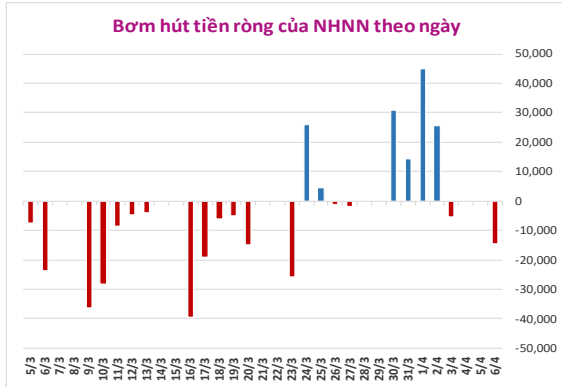
Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số loại hàng hoá



Chính sách tiền tệ



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá						Giá thị trường (06/4/26)
			% LNST Q4/25 (YoY)	% LNST 2025 (YoY)	LNST Q4/2025 (Tỷ đồng)	LNST 2025 (Tỷ đồng)	ROE (TTM)	ROA (TTM)	Book Value	EPS	P/B	P/E	
1	ACV	Cảng hàng không	7%	4%	3,134.79	12,070.73	16.70%	12.89%	19,505	3,026	2.35	15.1	45,800
2	ANV	Thủy sản	4611%	1990%	251.57	999.48	31.61%	18.70%	13,246	3,754	1.72	6.1	22,800
3	BFC	Phân bón	-44%	-13%	68.34	400.32	23.49%	8.56%	24,160	5,421	2.27	10.1	54,900
4	BID	Ngân hàng	46%	19%	11,542.62	30,482.98	19.47%	0.98%	23,933	4,279	1.64	9.2	39,350
5	BMP	VLXD	13%	24%	261.34	1,228.74	44.05%	37.35%	35,151	15,010	3.56	8.3	125,000
6	BSR	Dầu khí	3708%	722%	3,034.55	5,189.28	8.94%	5.98%	12,073	1,036	2.08	24.2	25,100
7	BWE	Nước	95%	55%	277.94	1,026.42	17.52%	6.75%	27,181	4,506	1.58	9.5	42,850
8	CSV	Hóa chất	-31%	-12%	41.44	229.34	13.66%	10.67%	14,169	1,891	1.88	14.1	26,700
9	CTR	Xây dựng	9%	11%	163.96	599.83	30.50%	7.85%	18,086	5,244	4.60	15.9	83,200
10	DCM	Phân bón	6%	35%	434.02	1,961.84	18.65%	11.38%	20,330	3,702	2.12	11.6	43,000
11	DDV	Phân bón	139%	276%	137.81	633.54	31.38%	24.04%	15,479	4,336	1.74	6.2	26,900
12	DGW	Bán lẻ	14%	23%	161.54	555.00	17.10%	5.55%	15,520	2,494	2.82	17.5	43,700
13	DPM	Phân bón	1248%	100%	232.71	1,095.64	9.61%	6.26%	16,697	1,579	1.65	17.5	27,600
14	DPR	Cao su	-34%	21%	74.29	367.34	12.43%	6.85%	29,979	3,638	1.33	10.9	39,800
15	DRC	Lốp xe	-33%	-48%	39.54	121.20	6.28%	2.90%	12,573	785	1.05	16.8	13,150
16	FPT	Phần mềm	19%	19%	2,988.15	11,225.52	28.27%	11.71%	21,417	5,511	3.45	13.4	73,900
17	FRT	Bán lẻ	161%	150%	348.34	984.24	26.13%	4.02%	24,495	4,667	6.04	31.7	148,000
18	KSB	Khai thác đá	105%	191%	39.99	154.33	5.70%	3.06%	24,261	1,351	0.64	11.55	15,600
19	MML	Thực Phẩm	27%	1982%	153.19	618.96	11.92%	4.98%	14,873	1,693	2.10	18.49	31,300
20	MSN	Thực phẩm	113%	106%	2,295.34	6,763.51	12.53%	2.97%	24,447	2,710	3.08	27.79	75,300
21	MWG	Bán lẻ	145%	89%	2,086.49	7,075.52	23.32%	9.12%	22,203	4,777	3.53	16.39	78,300
22	NKG	Thép	-151%	-56%	-9.34	197.19	2.93%	1.31%	17,026	461	0.79	29.15	13,450
23	NTP	VLXD	-6%	35%	202.84	992.87	25.14%	14.75%	24,742	5,805	2.22	9.47	55,000
24	OIL	Dầu khí	45%	4%	115.76	486.59	4.07%	0.98%	10,142	412	1.41	34.74	14,300
25	PAN	Thực phẩm	10%	10%	448.22	1,172.54	12.91%	3.40%	25,570	3,218	1.23	9.76	31,400
26	PC1	Xây dựng	706%	125%	660.36	1,364.51	17.44%	4.61%	15,852	2,553	1.62	10.08	25,750
27	PET	Bán lẻ	95%	72%	103.73	351.25	11.25%	2.17%	22,623	2,415	2.12	19.87	48,000
28	PLC	Hóa chất	-520%	-69%	-85.17	13.56	1.10%	0.34%	15,133	168	1.45	131.08	22,000
29	PLX	Dầu khí	7%	-7%	696.93	3,038.08	10.34%	3.22%	20,566	2,122	1.89	18.33	38,900
30	POW	Điện	956%	111%	687.52	2,869.50	7.06%	2.78%	11,197	832	1.11	14.91	12,400
31	PTB	Gỗ	42%	36%	132.82	519.71	16.42%	8.44%	39,913	7,463	1.20	6.43	48,000
32	PVS	Dầu khí	84%	70%	950.44	1,899.39	12.74%	5.01%	29,375	3,560	1.29	10.62	37,800
33	QNS	Đường	-3%	-19%	604.71	1,916.48	18.56%	13.61%	28,956	5,213	1.64	9.09	47,400
34	REE	Điện	-9%	27%	768.66	3,149.42	12.69%	6.62%	38,670	4,668	1.67	13.80	64,400
35	SBT	Đường	-16%	-9%	191.78	759.29	7.00%	2.18%	13,080	903	1.67	24.14	21,800
36	SIP	Bất động sản	10%	16%	400.08	1,501.88	28.47%	5.04%	21,419	5,601	2.84	10.87	60,900
37	VCS	VLXD	-2%	-14%	185.18	694.46	13.56%	11.37%	32,079	4,340	1.25	9.22	40,000

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá			Giá thị trường (06/4/26)			
			% LNST Q4/25 (YoY)	% LNST 2025 (YoY)	LNST Q4/2025 (Tỷ đồng)	LNST 2025 (Tỷ đồng)	ROE (TTM)	ROA (TTM)	Book Value		EPS	P/B	P/E
38	VGI	Viễn thông di động	2%	66%	3,845.55	11,272.72	24.66%	12.87%	13,474	3,063	6.58	28.9	88,600
39	VHC	Thủy sản	-47%	11%	244.96	1,451.08	14.95%	10.63%	42,574	6,073	1.35	9.5	57,400
40	VIP	Vận tải	-77%	-8%	6.66	85.81	6.70%	6.12%	18,682	1,253	0.62	9.3	11,650
41	VTO	Vận tải	14%	6%	39.00	117.22	9.97%	7.39%	14,776	1,468	0.79	7.9	11,600
42	POW	Điện	956%	111%	687.52	2,869.50	7.06%	2.78%	11,197	832	1.11	14.9	12,400
43	GEG	Điện	169%	512%	96.06	946.78	14.96%	4.64%	12,279	1,663	1.23	9.0	15,050
44	GMD	Dịch vụ kho bãi	123%	15%	659.97	2,224.19	13.17%	8.88%	30,680	3,986	2.32	17.9	71,200
45	GVR	Cao su	-43%	41%	1,135.97	6,353.29	10.26%	6.62%	14,165	1,406	2.22	22.4	31,450
46	HAH	Cảng biển	10%	85%	359.98	1,400.90	30.99%	15.08%	26,704	6,258	2.09	8.9	55,800
47	HHV	Xây dựng	55%	38%	201.71	678.43	5.85%	1.48%	11,782	1,196	1.00	9.8	11,750
48	HPG	Thép	37%	29%	3,888.35	15,514.93	12.69%	6.41%	16,830	2,013	1.60	13.3	26,850
49	HSG	Thép	-62%	9%	62.35	628.32	5.59%	3.08%	18,294	1,012	0.80	14.5	14,650
50	HT1	Xi măng	416%	355%	85.02	273.93	5.51%	3.46%	13,310	717	1.10	20.4	14,600
51	IDC	Bất động sản	26%	-3%	540.00	2,354.08	32.00%	9.20%	17,021	5,090	2.68	9.0	45,700
52	GAS	Dầu khí	-33%	10%	1,387.43	11,571.63	18.04%	13.02%	27,475	4,730	2.86	16.6	78,500
53	ACB	Ngân hàng	-39%	-7%	2,784.69	15,624.70	17.56%	1.65%	18,401	3,042	1.26	7.6	23,250
54	BID	Ngân hàng	46%	19%	11,542.62	30,482.98	19.47%	0.98%	23,933	4,279	1.64	9.2	39,350
55	BSI	Chứng khoán	4%	20%	95.06	493.67	9.32%	3.66%	22,529	2,012	1.58	17.7	35,700
56	CTG	Ngân hàng	13%	36%	11,093.59	34,857.44	21.22%	1.34%	22,974	4,454	1.47	7.6	33,700
57	HCM	Chứng khoán	40%	13%	318.99	1,178.62	9.43%	3.03%	13,466	1,454	1.78	16.5	24,000
58	HDB	Ngân hàng	64%	29%	5,220.16	17,052.70	25.38%	2.03%	15,094	3,432	1.70	7.5	25,600
59	LPB	Ngân hàng	40%	18%	3,730.59	11,422.38	25.23%	2.05%	15,798	3,824	2.92	12.1	46,100
60	MBB	Ngân hàng	39%	18%	8,902.95	27,382.98	21.57%	1.95%	16,901	3,325	1.52	7.7	25,650
61	MSB	Ngân hàng	14%	2%	1,851.25	5,628.52	14.20%	1.55%	13,605	1,804	0.85	6.4	11,500
62	NLG	Bất động sản	-31%	35%	504.87	946.31	6.28%	2.47%	26,102	1,805	1.06	15.3	27,700
63	OCB	Ngân hàng	12%	27%	1,295.53	4,028.85	12.28%	1.33%	12,746	1,513	0.86	7.2	10,950
64	SHB	Ngân hàng	8%	29%	2,259.94	12,009.91	19.05%	1.46%	14,802	2,614	0.98	5.5	14,500
65	SIP	Bất động sản	10%	16%	400.08	1,501.88	28.47%	5.04%	21,419	5,601	2.84	10.9	60,900
66	SSI	Chứng khoán	91%	45%	819.69	4,106.88	14.01%	4.90%	12,820	2,003	2.10	13.5	26,950
67	SZC	Bất động sản	37%	14%	103.01	345.11	10.94%	4.21%	17,797	1,917	1.54	14.3	27,400
68	TCB	Ngân hàng	98%	18%	6,979.83	25,954.47	16.03%	2.33%	23,996	3,577	1.21	8.1	29,050
69	TPB	Ngân hàng	49%	22%	2,542.76	7,379.70	18.48%	1.60%	15,243	2,660	1.04	6.0	15,850
70	VCB	Ngân hàng	1%	4%	8,633.78	35,198.43	16.61%	1.55%	27,223	4,210	2.13	13.8	58,000
71	VCI	Chứng khoán	103%	47%	442.92	1,341.95	8.67%	4.29%	21,186	1,849	1.24	14.2	26,300
72	VIX	Chứng khoán	1047%	716%	1,286.71	5,410.02	28.85%	20.12%	14,010	3,533	1.13	4.5	15,850
73	VND	Chứng khoán	36%	18%	342.00	2,022.09	9.96%	4.22%	13,731	1,328	1.14	11.8	15,650
74	VPB	Ngân hàng	72%	52%	8,118.41	24,354.60	15.49%	2.20%	21,163	3,024	1.21	8.5	25,600

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.